

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 15/ECOGIONG/2024

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ECO GIÓNG**

Địa chỉ: 170 Lê Hồng Phong, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3622 2084

Fax:

E-mail: eco@ecogiong.com

Mã số doanh nghiệp: 3702867127

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 34/2022/NNPTNT-BD. Cấp ngày 08/09/2022. Nơi cấp: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Cà phê túi lọc Thiên Lý**

**2. Thành phần:**

- 2.1 Nguyên liệu chính: 100% cà phê rang xay
- 2.2 Hương liệu thực phẩm: Không có
- 2.3 Phụ gia thực phẩm: Không có

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 3.1 Ngày sản xuất: 12 tháng trước hạn sử dụng (Best before)
- 3.2 Hạn sử dụng: Xem ngày “best before” được in trên bao bì sản phẩm (ngày – tháng – năm)

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**4.1 Quy cách bao gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:**

Hộp: 150 gram (15 gram x 10 gói).

Hoặc khối lượng tịnh khác theo yêu cầu của Khách hàng được thể hiện rõ trên nhãn của sản phẩm.

**4.2 Chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng gói và chứa trực tiếp trong túi lọc. Bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Mỗi túi được đóng gói kín trong bao bì màng ghép. Sau đó cho vào bao bì hộp giấy.



## 5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất (Trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

### III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

+/ QCVN 8-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm)

+/ QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

+/ TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam về cà phê bột)

#### 1. Yêu cầu về cảm quan

| STT | Tên chỉ tiêu | Yêu cầu                                      |
|-----|--------------|----------------------------------------------|
| 1   | Màu sắc      | Màu nâu đặc trưng của sản phẩm               |
| 2   | Mùi          | Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ |
| 3   | Vị           | Vị đặc trưng của sản phẩm                    |
| 4   | Trạng thái   | Dạng bột, mịn, không vón cục                 |
| 5   | Cà phê pha   | Có màu đặc trưng của sản phẩm                |

#### 2. Chỉ tiêu hóa lý

| STT | Tên chỉ tiêu                                                                  | Mức |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1   | Độ mịn, tính theo % khối lượng                                                |     |
|     | – Lọt qua rây cỡ lỗ 0,56 mm, không nhỏ hơn                                    | 30  |
|     | – Giữ lại trên rây cỡ lỗ 0,25 mm, không lớn hơn                               | 15  |
| 2   | Độ ẩm, tính theo % khối lượng, không lớn hơn                                  | 5,0 |
| 3   | Hàm lượng cafein, tính theo % khối lượng, không nhỏ hơn                       | 1,0 |
| 4   | Hàm lượng chất tan trong nước, tính theo % khối lượng chất khô, không nhỏ hơn | 25  |

|   |                                                                                           |     |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 5 | Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric (HCl), tính theo % khối lượng, không lớn hơn | 0,2 |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|

### 3. Chỉ tiêu độc tố vi nấm

| STT | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|-------------------------|-------------|------------|
| 1   | Hàm lượng Ocharatoxin A | µg/kg       | 5          |

### 4. Hàm lượng kim loại nặng

| STT | Tên chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------------------|-------------|------------|
| 1   | Hàm lượng arsen (As)     | mg/kg       | 1,0        |
| 2   | Hàm lượng chì (Pb)       | mg/kg       | 2,0        |
| 3   | Hàm lượng thủy ngân (Hg) | mg/kg       | 0,05       |
| 4   | Hàm lượng cadimi (Cd)    | mg/kg       | 1,0        |



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với thực phẩm đã công bố./

Bình Dương, ngày 26 tháng 08 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**VŨ NGUYỄN KIM PHỤNG**

Số/ No: 12446.2408/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.1043/41602408  
Mã số mẫu/ Sample code: 41602408-1  
Trang/ Page: 1/ 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN ECO GIỐNG**  
Địa chỉ/ Address : 170 Lê Hồng Phong, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/08/2024 Ngày phân tích/ Date of analysis: 14-19/08/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 21/08/2024  
Loại mẫu/ Kind of sample : Cà phê Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 mẫu  
Tên mẫu/ Name of sample : **Cà phê túi lọc Thiên Lý**  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đóng gói kín

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT                                                                                                                                          | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1           | Cảm quan                           | TCVN 5251: 2015                          | -Trạng thái: dạng bột mịn, không vón cục.<br>-Màu sắc: màu nâu.<br>-Mùi vị: đặc trưng sản phẩm, không có mùi lạ.<br>-Cà phê pha: có màu đặc trưng sản phẩm. |                      |
| 2           | Độ mịn dưới rây 0.56 mm            | TCVN 10821: 2015                         | 37,0                                                                                                                                                        | %                    |
| 3           | Độ mịn trên rây 0.25 mm            | TCVN 10821: 2015                         | 14,0                                                                                                                                                        | %                    |
| 4           | Độ ẩm (*)                          | TCVN 7035: 2002<br>(ISO 11294: 1994)     | 3,00                                                                                                                                                        | %                    |
| 5           | Tro không tan trong HCl (*)        | TCVN 5253 : 1990                         | Không phát hiện<br>(LOD = 0,05)                                                                                                                             | %                    |
| 6           | Ochratoxin A (*)                   | SOP.01-363:2022<br>(Ref.AOAC 2004.10)    | Không phát hiện<br>(LOD = 0,2)                                                                                                                              | µg/kg                |
| 7           | Chì (Pb) (*)                       | AOAC 999.11                              | Không phát hiện<br>(LOD = 0,01)                                                                                                                             | mg/kg                |
| 8           | Cadmi (Cd) (*)                     | AOAC 999.11                              | Không phát hiện<br>(LOD = 0,0015)                                                                                                                           | mg/kg                |

Số/ No: 12446.2408/KQ-VTT  
 Mã số/ Code: KH.1043/41602408  
 Mã số mẫu/ Sample code: 41602408-1  
 Trang/ Page: 2/ 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT               | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| 9           | Arsenic (As) (*)                   | AOAC 986.15                              | Không phát hiện<br>(LOD = 0,05)  | mg/kg                |
| 10          | Thủy ngân (Hg) (*)                 | AOAC 974.14                              | Không phát hiện<br>(LOD = 0,015) | mg/kg                |
| 11          | Caffein (*)                        | TCVN 9723 : 2013                         | 1,80                             | %                    |
| 12          | Chất tan trong nước (*)            | AOAC 973.21                              | 26,6                             | %                    |

**Ghi chú/ Notes:**

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection. Kết quả được biểu thị &lt; 1, &lt; 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trường


**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm







Một chút chua chua và hương thơm của những quả chanh  
mọng nước, đi kèm là độ cay ấm của tiêu đen như những  
khó khăn trong cuộc sống mà hiển nhiên ta sẽ gặp phải  
trên đường đến hào quang, nhưng khi đã mạnh mẽ bước  
qua, sự ngọt ngào đã ở đó đón chờ ta.

A touch of sourness and the fragrance of Lemons, coupled with  
the warm spiciness of Black Pepper, like the challenges in life  
that naturally come along the way. But once you've bravely  
overcome them, sweetness awaits at the other end.

#### CÀ PHÊ TÚI LỌC THIÊN LÝ

Số cấp Chứng Nhận An Toàn Thực Phẩm:

34/2022/NNPTNT-BD.

Số tự công bố: 15/ECOGIONG/2024.

Xuất xứ: Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Tham khảo trên bao bì.

Thành phần: 100% cà phê rang xay.

Khối lượng tịnh: 150 gram (15 gram x 10 gói).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói và  
chứa trực tiếp trong túi lọc. Bao bì sử dụng đảm  
bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của  
Bộ Y Tế.

Mỗi túi được đóng gói kín trong bao bì màng  
ghép. Sau đó cho vào bao bì hộp giấy.

Ngày sản xuất: 12 tháng trước hạn sử dụng.

Hạn sử dụng: Xem ngày "Best Before" in trên  
bao bì sản phẩm.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không dùng sản  
phẩm khi đã hết hạn sử dụng, sản phẩm không  
còn nguyên vẹn.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

(Nhiệt độ bảo quản tốt nhất là 22 – 25°C).

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ECO GIÔNG

Địa chỉ trụ sở chính: 170 Lê Hồng Phong,  
Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh  
Bình Dương, Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: 170 Lê Hồng Phong, Phường  
Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình  
Dương, Việt Nam.

Giấy phép ĐKKD số: 3702867127.

Điện thoại: 028 3622 2084.

Email: eco@ecogiong.com

#### STEEPED COFFEE BAG THIÊN LÝ

Food Safety Certification:

34/2022/NNPTNT-BD.

Product self declaration: 15/ECOGIONG/2024.

Made in: Vietnam.

Instructions for use: Refer to the packaging.

Ingredients: 100% roasted coffee.

Net weight: 150 gram (15 grams x 10 packs).

Packaging material: The product is packaged and  
contained directly in a filter bag. The packaging used  
ensures food hygiene and safety according to the  
regulations of the Ministry of Health.

Each bag is sealed in a laminated film packaging. Then  
put into a paper box packaging.

Manufacturing date: 12 months before the expiration date.

Expiration date: Check the Best Before date printed on  
the product packaging.

Safety warning: Do not consume the product  
after the expiration date, the product is no longer  
intact.

Storage: Store in a cool, dry place.

(Ideal storage temperature is 22 – 25°C).

Producer: GIONG ECO JOINT-STOCK COMPANY

Head office address: 170 Le Hong Phong, Phu Loi  
Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province,  
Vietnam.

Production address: 170 Le Hong Phong Street,  
Phu Loi Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong  
Province, Vietnam.

Business License: 3702867127.

Phone: 028 3622 2084.

Email: eco@ecogiong.com

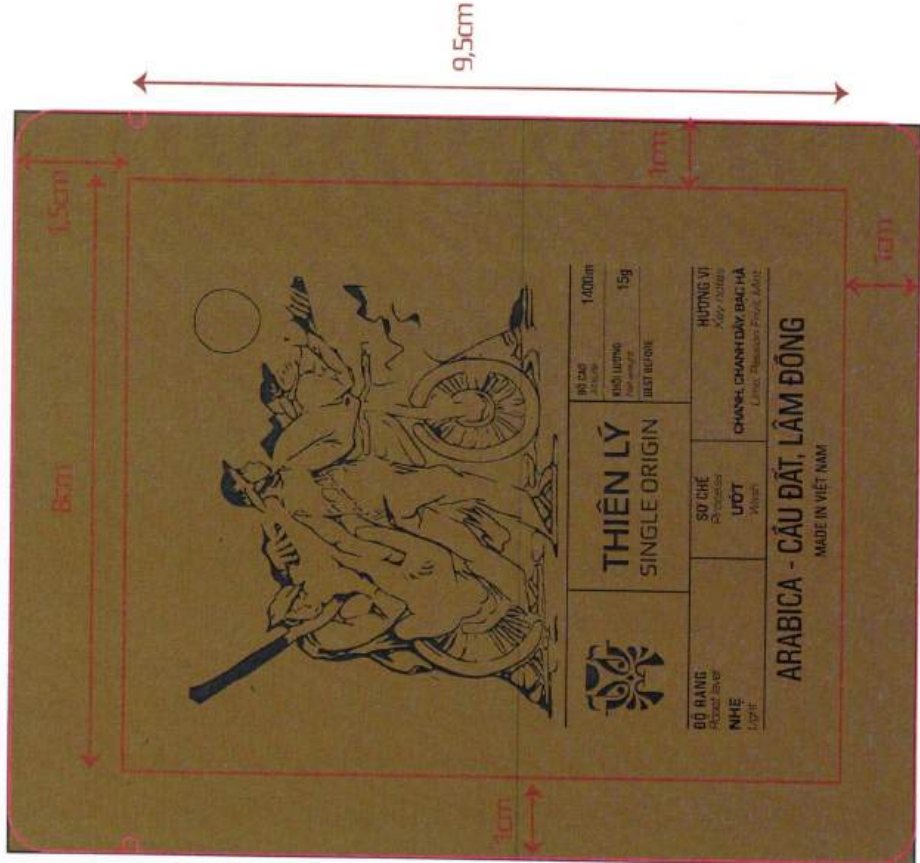


# CÔNG TY CỔ PHẦN ECO GIỒNG

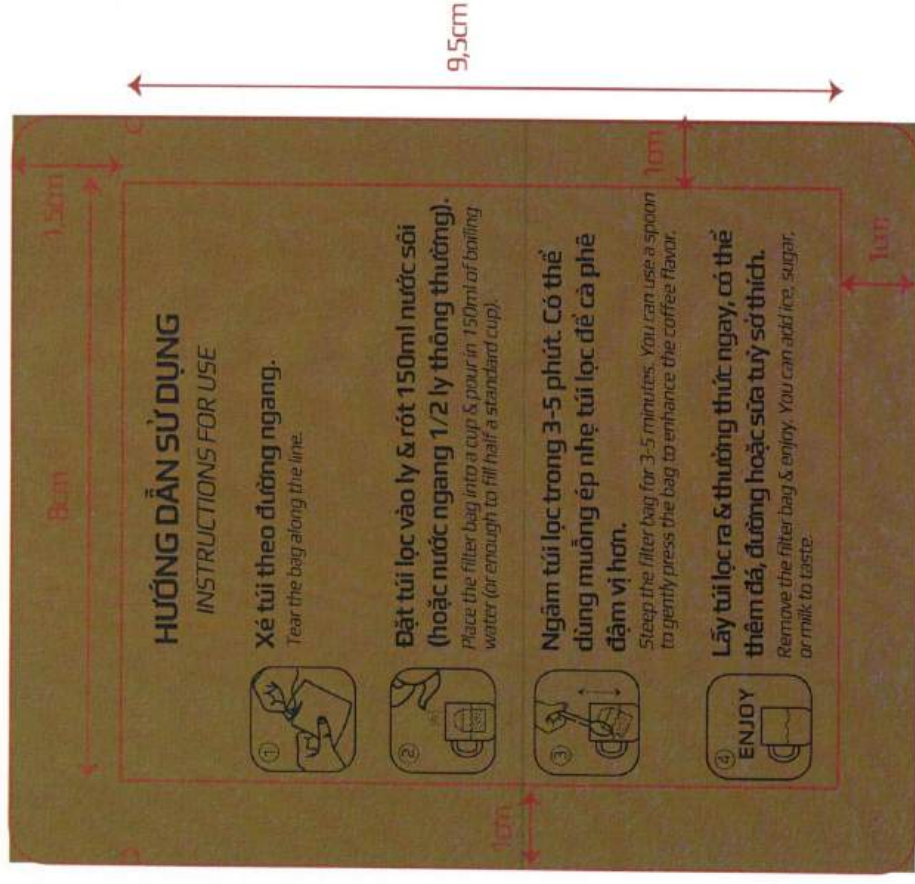
## MẪU NHÃN BAO BÌ GÓI CÀ PHÊ TÚI LỌC THIÊN LÝ

08/2024

GIỒNG



Tem mặt trước



Tem mặt sau